

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1236/TTr-SKHHCN ngày 04 tháng 7 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2099/QĐ-TTg về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định 546/QĐ-UBND ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa, gồm 23 dịch vụ/05 lĩnh vực.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; theo đó, tại khoản 3 Điều 3 quy định: “*Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước*” là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và dịch vụ sự nghiệp công mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện.”. Tại khoản 3, Điều 4 về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết

dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định: “*Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo UBND cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện*”.

Qua rà soát, đến nay danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa ban hành tại Quyết định 546/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 còn thiếu, chưa chi tiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của tỉnh cũng như thực hiện các nhiệm vụ theo vai trò, chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là rất cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 5 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch

vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm mục đích tạo cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo các hình thức giao, đặt hàng và đấu thầu thực hiện.

2. Quan điểm xây dựng nghị quyết

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng quy định về thẩm quyền, hình thức và trình tự thủ tục, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định liên quan; UBND tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan. Căn cứ các ý kiến góp ý, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết; đã thực hiện việc lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh bằng phiếu. Trong đó, có 20 thành viên có ý kiến thống nhất.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 2 Điều, kèm theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa gồm 06 nhóm lĩnh vực với 58 dịch vụ chi tiết, cụ thể:

- Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ: 21 dịch vụ.
- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ): 14 dịch vụ.
- Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: 02 dịch vụ.
- Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 11 dịch vụ.
- Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân: 02 dịch vụ.
- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: 08 dịch vụ.

(Thuyết minh chi tiết theo phụ lục kèm theo).

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH XEM XÉT THÔNG QUA

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết: Kỳ họp gần nhất.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Đính kèm: Dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Các ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, CNG, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

PHỤ LỤC

**Thuyết minh chi tiết danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

(Kèm theo Tờ trình số. 8228../ TTr-UBND ngày 09 / 8 /2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Phân nhóm dịch vụ chung	Căn cứ pháp lý	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công		Đối chiếu, so sánh với QĐ 546/QĐ-UBND	Căn cứ tên chi tiết dịch vụ
					TT	Tên dịch vụ chi tiết		
I	DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (KH&CN)							
1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ.	Luật KH&CN năm 2013; Luật Xuất bản năm 2012; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-	x		1	Xuất bản các ấn phẩm về KH&CN (Bản tin Khoa học công nghệ và ĐMST Khánh Hòa, Xuất bản kỷ yếu kết quả các đề tài, dự án KH&CN, Bản tin TBT, ...).		Phụ lục I. 1.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
					2	Công bố, giới thiệu kết quả đề tài, mô hình KH&CN có tính ứng dụng thực tiễn cao.		Phụ lục I. 1.3 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019

BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN.	3	Tổ chức truyền thông KH&CN.	Phụ lục I. 1.4 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019
	4	Cung cấp thông tin KH&CN, thông tin thông kê KH&CN, chỉ số Đổi mới sáng tạo (ĐMST) phục vụ lãnh đạo, quản lý.	Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014;
	5	Thu thập, số hóa, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN của tỉnh.	Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN
	6	Tổ chức hội nghị tập huấn, hội thảo khoa học, triển lãm giới thiệu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật công nghệ, kết quả ứng dụng KH&CN.	Phụ lục I. 1.4 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019
	7	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu đổi mới công nghệ.	Phụ lục I. 1.5 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019

2	Thẩm định cấp chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Luật KH&CN năm 2013; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		8	Thẩm định cấp chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.		Quyết định 2099/QĐ-TTg
3	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Luật KH&CN năm 2013; Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông	x		9	Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp ĐMST	Bảo lưu so với Quyết định 546/QĐ-UBND.	Làm rõ chi tiết Quyết định 2099/QĐ-TTg
10	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường,							

		tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN				chất lượng, và các dịch vụ khác).		
					11	Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.		
					12	Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.		
					13	Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.		
4	Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật KH&CN năm 2013; Luật Công nghệ cao năm 2008; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN		x	14	Tư vấn đánh giá năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.		Phụ lục I. 4.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
				x	15	Dịch vụ đánh giá, tiếp nhận công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.		Phụ lục I. 4.2 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày

		Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN					18/12/2019 của Bộ KH&CN.
				x	16	Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ..	Phụ lục I. 4.3 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
5	Thẩm định cơ sở khoa học của phát triển kinh tế - xã hội; Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực; Thẩm định nhiệm vụ KH&CN (thẩm định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật KH&CN năm 2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		17	Thẩm định về mặt khoa học xã hội các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu của Lãnh đạo tỉnh, ngành, địa phương và doanh nghiệp.	Làm rõ chi tiết Quyết định 2099/QĐ-TTg
					18	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư.	
					19	Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực.	
					20	Thẩm định nhiệm vụ KH&CN (thẩm định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước cho các tổ chức, đơn vị).	

	không sử dụng ngân sách nhà nước cho các tổ chức, đơn vị)							
6	Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.	Luật KH&CN năm 2013; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN ngày 16/12/2014; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x	21	Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.	Bảo lưu so với Quyết định 546/QĐ-UBND.	Quyết định 2099/QĐ-TTg	
II	PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (BAO GỒM THÔNG TIN KH&CN)							
1	Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại	Luật KH&CN năm 2013; ; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Quyết định số 2099/QĐ-TTg	x	22	Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.	Bảo lưu so với Quyết định 546/QĐ-UBND.	Quyết định 2099/QĐ-TTg	

	diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.	ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN					
2	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN.	Luật KH&CN năm 2013, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày	x	23	Xây dựng và quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN.		Phụ lục II.3.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
				24	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về KH&CN.		Phụ lục II.3.3 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.

		18/12/2019 của Bộ KH&CN			25	Xây dựng, cập nhật, cung cấp thông tin, khai thác dữ liệu về hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ, danh mục công nghệ, nhiệm vụ KH&CN, công bố KH&CN Việt Nam, tổ chức KH&CN, nhân lực Nghiên cứu và Phát triển KH&CN.		Phụ lục II.3.4 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.	
3	Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	Luật KH&CN năm 2013; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		26	Tổ chức triển lãm thành tựu KH&CN.		Phụ lục II.4.4 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.	
					x	27	Tổ chức hội chợ công nghệ và thiết bị (Techmart).		Phụ lục II.4.5 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
					x	28	Tổ chức hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ.		Phụ lục II.4.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày

							18/12/2019 của Bộ KH&CN.
				x	29	Tổ chức sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp ĐMST.	Liệt kê chi tiết dịch vụ theo tên gọi
4	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN. Hoạt động thư viện. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu về KH&CN; Hoạt động thống kê trong lĩnh vực KH&CN.	Luật KH&CN năm 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		30	Xây dựng và phát triển cổng thông tin điện tử: Sở KH&CN Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử khởi nghiệp ĐMST Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử Tam nông Khánh Hòa.	Phụ lục II. 5.1; 5.2 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
					31	Hoạt động thống kê KH&CN.	Phụ lục II. 5.3 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
					32	Điều tra thống kê KH&CN.	Phụ lục II. 5.3 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
					33	Cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành KH&CN.	Phụ lục II. 5.4 ban hành kèm theo Thông tư số

							21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
				34	Khai thác, tra cứu, cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về KH&CN.		Phụ lục II. 5.5 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
5	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.	Luật KH&CN năm 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Luật chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật đo lường năm 2011; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014;	x		35	Tập huấn, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và năng suất chất lượng...	Phụ lục II. 6.1; 6.2; 6.3 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.

		Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN					
III LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ							
1	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh	Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN Nghị quyết 23/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	x	36	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh.		Quyết định 2099/QĐ-TTg

2	Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.	Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.	x	37	Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.	Bảo lưu so với Quyết định 546/QĐ-UBND.	Quyết định 2099/QĐ-TTg
IV LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG							
1	Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Nghị định 127/2007/NĐ-CP; Nghị định 78/2018/NĐ-CP; sửa đổi Nghị định 127/2007/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg	x	38	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.		Phụ lục IV. 1.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
				39	Hướng dẫn, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.		Phụ lục IV. 1.2 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.

		ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN			40	Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.		Phụ lục IV. 1.5 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN.
2	Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào về kỹ thuật trong thương mại	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011; Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		41	Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.	Bảo lưu so với Quyết định 546/QĐ-UBND.	Quyết định 2099/QĐ-TTg

3	<p>Tư vấn, hướng dẫn hoạt động về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.</p>	<p>Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN</p>		x	42	<p>Tư vấn, hướng dẫn hoạt động về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.</p>		<p>Quyết định 2099/QĐ-TTg</p>
---	---------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	---	----	---------------------------------------------------------------------------------------------	--	-------------------------------

4	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường	Luật Đo lường năm 2011; Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		43	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.		Quyết định 2099/QĐ-TTg
5	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.	Luật Đo lường năm 2011; Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		44	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.		Quyết định 2099/QĐ-TTg

6	Đánh giá sự phù hợp (chứng nhận, kiểm định, thử nghiệm và giám định) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011; Nghị định 132/2008/NĐ-CP; Nghị định 74/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN		x	45	Đánh giá sự phù hợp (chứng nhận, kiểm định, thử nghiệm và giám định) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.		Quyết định 2099/QĐ-TTg
---	----------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	---	----	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	------------------------

7	<p>Tư vấn nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.</p>	<p>Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011; Nghị định 132/2008/NĐ-CP; Nghị định 74/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKH&CN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN</p>		x	46	<p>Tư vấn nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.</p>		<p>Quyết định 2099/QĐ-TTg</p>
8	<p>Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của</p>	<p>Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường</p>		x	47	<p>Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</p>		<p>Quyết định 2099/QĐ-TTg</p>

	<p> cơ quan nhà nước.</p>	<p> năm 2011; Nghị định 132/2008/NĐ-CP; Nghị định 74/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKH&CN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN</p>					
9	<p> Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn hồ sơ tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.</p>	<p> Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011; Nghị định 132/2008/NĐ-CP; Nghị định 74/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP;</p>	x		48	<p> Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn hồ sơ tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.</p>	<p> Quyết định 2099/QĐ-TTg</p>

		<p>Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN</p>						
V	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN							
1	<p>Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn địa phương trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.</p>	<p>Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN</p>	x		49	<p>Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn địa phương trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.</p>	<p>Quyết định 2099/QĐ-TTg</p>	

2	Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân	Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		50	Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh.		Quyết định 2099/QĐ-TTg
VI	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, KIẾN THỨC, NGHIỆP VỤ TRONG LĨNH VỰC KH&CN							
1	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Luật KH&CN năm 2013; Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN	x		51	Đào tạo chuyên gia tư vấn Hệ thống Quản lý chất lượng, Giải thưởng chất lượng quốc gia, Năng suất chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và hoạt động đo lường theo các Kế hoạch đã được phê duyệt.		Phụ lục VI. 1 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN và các Chương trình, kế hoạch hàng năm của tỉnh
52	Đào tạo chuyên gia lấy mẫu chất lượng sản phẩm hàng hóa...							
53	Đào tạo nhân lực cho Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.							
54	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về truyền thông KH&CN.							

					55	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thống kê KH&CN.		
					56	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thống kê KH&CN.		
2	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý KH&CN	Luật KH&CN năm 2013; Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN		x	57	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về KH&CN cho cán bộ quản lý KH&CN tại các huyện, thành, thị và các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.		Quyết định 2099/QĐ-TTg
3	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.	Luật KH&CN năm 2013; Luật Viên chức năm 2010; Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày		x	58	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.		Quyết định 2099/QĐ-TTg

		18/12/2019 của Bộ KH&CN							
--	--	----------------------------	--	--	--	--	--	--	--

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh tại Công văn số /UBND- ngày tháng năm 2024 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đính kèm danh mục chi tiết).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2 bản);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.....

CHỦ TỊCH

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	TÊN DỊCH VỤ
I	DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (KH&CN)
1	Xuất bản các ấn phẩm về KH&CN (Bản tin Khoa học công nghệ và ĐMST Khánh Hòa, Xuất bản kỷ yếu kết quả các đề tài, dự án KH&CN, Bản tin TBT, ...)
2	Công bố, giới thiệu kết quả đề tài, mô hình KH&CN có tính ứng dụng thực tiễn cao.
3	Tổ chức truyền thông KH&CN.
4	Cung cấp thông tin KH&CN, thông tin thống kê KH&CN, chỉ số Đổi mới sáng tạo (ĐMST) phục vụ lãnh đạo, quản lý.
5	Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN của tỉnh.
6	Tổ chức hội nghị tập huấn, hội thảo khoa học, triển lãm giới thiệu, chuyên gia các tiến bộ kỹ thuật công nghệ, kết quả ứng dụng KH&CN.
7	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu đổi mới công nghệ.
8	Thẩm định cấp chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.
9	Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KHĐMST).
10	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp KNĐMST (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác).
11	Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp KNĐMST.
12	Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp KNĐMST.
13	Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.
14	Tư vấn đánh giá năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

15	Dịch vụ đánh giá, tiếp nhận công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.
16	Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.
17	Thẩm định về mặt khoa học xã hội các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu của Lãnh đạo tỉnh, ngành, địa phương và doanh nghiệp.
18	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư.
19	Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực.
20	Thẩm định nhiệm vụ KH&CN (thẩm định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước cho các tổ chức, đơn vị).
21	Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.
II	PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KH&CN (BAO GỒM THÔNG TIN KH&CN)
1	Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.
2	Xây dựng và quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN.
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về KH&CN.
4	Xây dựng, cập nhật, cung cấp thông tin, khai thác dữ liệu về hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ, danh mục công nghệ, nhiệm vụ KH&CN, công bố KH&CN Việt Nam, tổ chức KH&CN, nhân lực nghiên cứu và phát triển KH&CN.
5	Tổ chức triển lãm thành tựu KH&CN.
6	Tổ chức hội chợ công nghệ và thiết bị (Techmart).
7	Tổ chức hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ.
8	Tổ chức sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho KNDMST.
9	Xây dựng và phát triển cổng thông tin điện tử: (Sở KH&CN Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử KNDMST Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử Tam nông Khánh Hòa).
10	Hoạt động thống kê KH&CN.
11	Điều tra thống kê KH&CN.
12	Cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành KH&CN.
13	Khai thác, tra cứu, cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về KH&CN.
14	Tập huấn, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và năng suất chất lượng...

III	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
1	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh.
2	Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.
IV	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
1	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.
2	Hướng dẫn, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.
3	Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.
4	Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào về kỹ thuật trong thương mại.
5	Tư vấn, hướng dẫn hoạt động về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.
6	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.
7	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
8	Đánh giá sự phù hợp (chứng nhận, kiểm định, thử nghiệm và giám định) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
9	Tư vấn nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.
10	Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
11	Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn hồ sơ tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.
V	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN
1	Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn địa phương trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.
2	Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh.
VI	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, KIẾN THỨC, NGHIỆP VỤ TRONG LĨNH VỰC KH&CN
1	Đào tạo chuyên gia tư vấn Hệ thống Quản lý chất lượng, Giải thưởng chất lượng quốc gia, Năng suất chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và hoạt động đo lường theo các Kế hoạch đã được phê duyệt.
2	Đào tạo chuyên gia lấy mẫu chất lượng sản phẩm hàng hóa.
3	Đào tạo nhân lực cho Hệ sinh thái KNDMST.



4	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về truyền thông KH&CN.
5	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thống kê KHCN.
6	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thống kê KHCN.
7	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về KH&CN cho cán bộ quản lý KH&CN tại các huyện, thành, thị và các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.
8	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.